

Số: 94/2018/QĐST- HNGĐ

Đ, ngày 31 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH L HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 97/2018/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thảo L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ia B, huyện Đ, tỉnh GL.

Bị đơn: Anh Trần Vũ Đức N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ia B, huyện Đ, tỉnh GL.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện L hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình L hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện L hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện L hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình L hôn giữa: chị Trần Thị Thảo L và anh Trần Vũ Đức N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Thảo L và anh Trần Vũ Đức N.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị Thảo L và anh Trần Vũ Đức N có 01 con chung là cháu Trần Đức N, sinh ngày: 17/7/2014. Chị L và anh N thống nhất thỏa thuận là giao cháu Trần Đức N cho chị Trần Thị Thảo L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trần Vũ Đức N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị Thảo L nuôi con chung Trần Đức Nam, sinh ngày 17/7/2014 là 2.000.000 đồng/tháng/con (*hai triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi cháu Nam thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: án phí thuận tình L hôn là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), chị Trần Thị Thảo L và anh Trần Vũ Đức N mỗi người phải nộp là 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*). Anh Trần Vũ Đức N phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng. Chị Trần Thị Thảo L tự nguyện nộp cả phần án phí L hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần vũ Đức N. Tổng cộng chị L phải nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số: 0002669 ngày 04/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND thị trấn Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Viết Minh Quân